**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/ đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **% Tổng**  **điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện đồng thoại. | **4** | **0** | **3** | **1** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Kể lại một trải nghiệm của bản thân. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | ***20*** | ***5*** | ***15*** | ***20*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** |  |
| **Tỉ lệ %** | | | **25%** | | **35%** | | **30%** | | **10%** | | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |  |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện đồng thoại. | **Nhận biết:**  - Nhận biết được thể loại, chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, cốt truyện. (1)  - Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba. (2)  - Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản. (3)  - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy). (4)  **Thông hiểu:**  - Hiểu được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật. (5)  - Nêu được chủ đề của văn bản. (6)  - Xác định các biện pháp tu từ, công dụng của từ láy được sử dụng trong văn bản. (7)  **Vận dụng**:  - Trình bày ý kiến về hành động của các nhân vật. (8)  - Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử từ văn bản gợi ra. (9) | 4TN | 3TN, 1TL | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Kể lại một trải nghiệm của bản thân. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:** Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **4 TN** | **3TN, 1TL** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20 + 5*** | ***20 + 15*** | ***20 + 10*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN 6**

**Thời gian: 90 phút.**

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (6,0 điểm).**

**Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi**:

*Tôi là đứa con bé nhất của mẹ Dẻ Gai trong rừng già, trên sườn núi cao cheo leo.*

*Mùa xuân đến, từ trên cánh tay và mái tóc của mẹ, từng nụ hoa dẻ nhú ra như quả cầu xanh có tua gai nhỏ. Rồi hoa lớn dần thành những trái dẻ xù xì gai góc. Anh chị em chúng tôi ra đời như thế đó.*

*Chúng tôi lớn lên trong mùa hè nắng lửa, mưa dông. Những cơn mưa ào đến gội ướt đẫm tóc mẹ và tắm mát cho chúng tôi. Nắng làm bỏng rát cả làn da và mái tóc của mẹ.*

*Khi thu về, trái dẻ khô đi, lớp áo gai đã chuyển sang màu vàng cháy. Hạt dẻ căng tròn làm nứt bung cả tấm áo gai xù đã quá chật chội. Tôi vẫn nằm im trong lớp áo gai xù, nép vào một cánh tay của mẹ. Tôi chẳng muốn chui khỏi tấm áo ấm áp, an toàn đó chút nào.*

*Nhưng rồi những ngày thu êm ả cũng trôi qua. Gió lạnh buốt bắt đầu thổi ù ù qua khu rừng. Gió vặn vẹo những cánh tay dẻo dai của mẹ. Gió lay giật tấm thân vững chãi của mẹ. Nhưng mẹ vẫn bền gan đứng trên sườn núi cheo leo.*

*Khi mùa đông đến, tôi cứ thu mình mãi trong tấm áo gai xù ấm áp của họ nhà dẻ gai và nép mãi vào tay mẹ, tóc mẹ. Tôi sợ phải xa mẹ, sợ phải tự sống một mình. Tôi sợ những gì lạ lẫm trong rừng già. Nhưng tôi nghe tiếng mẹ thì thầm:*

*- Bé Út của mẹ, con nhỏ nhất nhà so với các anh chị nhưng con cũng đã lớn rồi đấy. Con là một bé dẻ gai rất khoẻ mạnh. Hãy dũng cảm lên nào, con sẽ bay theo gió và sẽ trở thành một cây dẻ cường tráng trong cánh rừng này nhé!*

*Tôi cố quẫy mình... Tấm áo gai dày và ấm bất chợt bung ra. Và tôi nhìn rõ cả cánh rừng già, cả sườn núi cao, cả bầu trời mây gió lồng lộng ào ạt trôi trên đầu mẹ. Hoá ra tôi là trái dẻ cuối cùng đang nép trên cánh tay vươn cao nhất của mẹ. Mẹ đưa tay theo chiều gió và thì thầm với riêng tôi: “Tạm biệt con yêu quý, hạt dẻ bé bỏng nhất của mẹ. Dù thế nào con cũng sẽ lớn lên, hãy dũng cảm và đón nhận cuộc sống mới nhé!“*

*Tôi bỗng thấy mình bay nhẹ theo làn gió, tung mình vào khoảng không bao la rồi rơi êm xuống thảm lá ấm sực của rừng già... “Tạm biệt mẹ! Con yêu mẹ!”- tôi gọi với theo gió trước khi chìm vào giấc ngủ đông ấm áp. Và tôi mơ...*

(Theo Phương Thanh Trang, trích Câu chuyện của hạt dẻ gai, tạp chí Văn học và tuổi trẻ, số 12 (465), 2020)

**Câu 1:** Đoạn trích trên thuộc thể loại nào? (1)

A. Truyện cổ tích B. Truyện đồng thoại C. Truyện truyền thuyết D. Truyện ngắn

**Câu 2:** Đoạn trích trên sử dụng ngôi kể thứ mấy? (2)

A. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ hai C. Cả ngôi thứ nhất với ngôi thứ 3 D. Ngôi thứ ba

**Câu 3**: Nhân vật chính trongđoạn trích trên là ai? (1)

A. Mẹ Giẻ Gai B. Rừng già C. Thảm lá D. Bé Dẻ Gai

**Câu 4:** Từ “chúng tôi” trong câu chuyện được dùng để chỉ những nhân vật nào? (1)

A. Mẹ, hạt dẻ gai và các anh chị em B. Nhân vật “tôi” và các anh chị em

C. Nhân vật “tôi” và các bạn trong rừng già D. Những hạt dẻ gai trong rừng già

**Câu 5:** Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu: “Và tôi nhìn rõ cả cánh rừng già, cả sườn núi cao, cả bầu trời mây gió lồng lộng ào ạt trôi trên đầu mẹ.”? (7)

A. Ẩn dụ B. Hoán dụ C. Điệp ngữ D. So sánh

**Câu 6:** Vì sao khi mùa đông đến, “tôi” cứ mãi thu mình trong tấm áo gai xù ấm áp? (5)

A. Vì “tôi” nhỏ nhất nhà và chưa đủ lớn. B. Vì “tôi” rất thích tấm áo gai xù ấm áp.

C. Vì “tôi” sợ gió lạnh, sợ mùa đông đến. D. Vì “tôi” sợ xa mẹ, sợ tự lập và những gì lạ lẫm.

**Câu 7**. Trong các từ sau đây từ nào **không** phải là từ láy? (7)

A. An toàn B. Cheo leo C Xù xì D. Ấm áp

**Câu 8**. Hãy tìm 2 từ mà em cho là phù hợp để nêu bật đặc điểm của nhân vật “tôi”. (5)

**Câu 9**. Theo em, hành động “cố quẫy mình... tấm áo gai dày và ấm bất chợt bung ra” của bé dẻ gai chứng tỏ điều gì? (8)

**Câu 10**. Nêu bài học cuộc sống mà em rút được ra từ *câu chuyện của hạt dẻ gai* trong đoạn trích. (9)

**PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm).**

Hãy kể lại trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN 6**

**ĐỌC HIỂU (6.0 ĐIỂM).**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| 1 | B | 0,5 |
| 2 | A | 0,5 |
| 3 | D | 0,5 |
| 4 | B | 0,5 |
| 5 | C | 0,5 |
| 6 | D | 0,5 |
| 7 | A | 0,5 |
| 8 | HS nêu được 2 từ phù hợp với đặc điểm của nhân vật “tôi” (gợi ý: sợ sệt, dũng cảm, đáng yêu, khỏe mạnh, …). | 1,0 |
| 9 | HS trình bày được ý kiến về hành động của nhân vật bé dẻ gai. | 0.5 |
| 10 | HS nêu được bài học. (Gợi ý: Dũng cảm đối mặt với thử thách trong cuộc sống, chúng ta sẽ nhận về những điều tốt đẹp cho bản thân. | 1.0 |

**II. VIẾT (4.0 ĐIỂM).**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. *Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự* | 0,25 |
| *2. Xác định đúng yêu cầu của đề*. | 0,25 |
| Kể về một trải nghiệm |  |
| *3. Kể lại một trải nghiệm*  HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
| - Sử dụng ngôi kể thứ nhất.  - Giới thiệu được trải nghiệm.  - Các sự kiện chính: bắt đầu – diễn biến – kết thúc.  - Cảm xúc và suy nghĩ về trải nghiệm đó. | 3.0 |
| *4. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0.25 |
| *5. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo. | 0.25 |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ** | | | | |
| **Mức 5 (Xuất sắc)** | **Mức 4 (Giỏi)** | **Mức 3 (Khá)** | **Mức 2 (Trung bình)** | **Mức 1 (Yếu)** |
| **Chọn được trải nghiệm để kể** | Lựa chọn được trải nghiệm sâu sắc. | Lựa chọn được trải nghiệm có ý nghĩa. | Lựa chọn được trải nghiệm để kể. | Lựa chọn được trải nghiệm để kể nhưng chưa rõ ràng. | Chưa có trải nghiệm để kể. |
| **0,5điểm** | 0,5đ | 0,4đ | 0,3đ | 0,2đ | 0,1đ |
| **Nội dung của trải nghiệm** | Nội dung trải nghiệm phong phú, hấp dẫn, sự kiện, chi tiết rõ ràng, thuyết phục. | Nội dung trải nghiệm phong phú; các sự kiện chi tiết, rõ ràng. | Nội dung trải nghiệm tương đối đầy đủ; sự kiện, chi tiết khá rõ ràng. | Nội dung trải nghiệm còn sơ sài; các sự kiện, chi tiết chưa rõ ràng, hay vụn vặt. | Chưa rõ nội dung trải nghiêm, viết tản mạn, vụn vặt; chưa có sự kiện hay chi tiết rõ ràng, cụ thể. |
| **1,5 điểm** | 1.5đ | 1.25đ | 1,0đ | 0,75đ | 0,5đ |
| **Bố cục, tính liên kết của văn bản.** | Trình bày rõ bố cục của bài văn. Các sự kiện, chi tiết được liên kết chặt chẽ, logic, thuyết phục. | Trình bày rõ bố cục của bài văn. Các sự kiện, chi tiết được liên kết chặt chẽ, logic. | Trình bày được bố cục của bài văn. Các sự kiện, chi tiết thể hiện được mối liên kết nhưng đôi chỗ chưa chặt chẽ. | Chưa thể hiện được bố cục của bài văn. Các sự kiện, chi tiết chưa thể hiện được mối liên kết chặt chẽ, xuyên suốt. | Chưa thể hiện được bố cục của bài văn. Các sự kiện, chi tiết chưa thể hiện được mối liên kết rõ ràng. |
| **0,5 điểm** | 0,5đ | 0,4đ | 0,3đ | 0,2đ | 0,1đ |
| **Thể hiện cảm xúc trước trải nghiệm để kể** | Thể hiện cảm xúc trước trải nghiệm được kể một cách thuyết phục bằng các từ ngữ phong phú, sinh động. | Thể hiện cảm xúc trước trải nghiệm được kể bằng các từ ngữ phong phú, phù hợp. | Thể hiện cảm xúc trước trải nghiệm được kể bằng một số từ ngữ rõ ràng. | Thể hiện cảm xúc trước trải nghiệm được kể bằng một số từ ngữ chưa rõ ràng. | Chưa thể hiện được cảm xúc trước trải nghiệm được kể. |
| **0,5 điểm** | 0,5đ | 0,4đ | 0,3đ | 0,2đ | 0,1đ |
| **Thống nhất về ngôi kể** | Dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất, nhất quán trong toàn bộ câu chuyện. | Dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất, nhất quán trong toàn bộ câu chuyện. | Dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất nhưng đôi chỗ chưa nhất quán trong toàn bộ câu chuyện. | Dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất nhưng nhiều chỗ chưa nhất quán trong toàn bộ câu chuyện. | Chưa biết dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất. |
| **0,25 điểm** | 0,25đ | 0,2đ | 0,15đ | 0,1đ | 0,05đ |
| **Diễn đạt** | Hầu như không mắc lỗi về chính tả, từ ngữ, ngữ pháp. | Mắc rất ít lỗi diễn đạt nhỏ. | Bài viết còn mắc một số lỗi diễn đạt nhưng không trầm trọng. | Bài viết còn mắc khá nhiều lỗi diễn đạt. | Bài viết còn mắc rất nhiều lỗi diễn đạt. |
| **0,25 điểm** | 0,25đ | 0,2đ | 0,15đ | 0,1đ | 0,05đ |
| **Trình bày** | Trình bày đúng quy cách văn bản; sạch đẹp, không gạch xoá | Trình bày đúng quy cách văn bản; rõ ràng, không gạch xoá. | Trình bày đúng quy cách văn bản; chữ viết rõ ràng, có ít chỗ gạch xoá. | Trình bày quy cách văn bản còn đôi chỗ sai sót; chữ viết khoa học, có một vài chỗ gạch xoá. | Chưa trình bày đúng quy cách của văn bản; chữ viết khó đọc, có nhiều chỗ gạch xoá. |
| **0,25 điểm** | 0,25đ | 0,2đ | 0,15đ | 0,1đ | 0.05đ |
| **Sáng tạo** | Bài viết có ý tưởng và cách diễn đạt sáng tạo. | Bài viết có ý tưởng hoặc cách diễn đạt sáng tạo. | Bài viết chưa thể hiện rõ ý tưởng hoặc cách diễn đạt sáng tạo. | Bài viết không có ý tưởng và cách cách diễn đạt sáng tạo. | Bài viết không có ý tưởng và cách diễn đạt sáng tạo. |
| **0,25 điểm** | 0,25đ | 0,2đ | 0,15đ | 0.Iđ | 0,05đ |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/ đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **% Tổng**  **điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện đồng thoại. | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Kể lại một trải nghiệm của bản thân. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** |  |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |  |